

Bản án số: **223/2017/HSPT**

Ngày: 25/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tuấn**

Các thẩm phán: Ông **Mai Xuân Thành**

Ông **Phạm Việt Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 235/2017/TLPT-HS ngày 25/7/2017 đối với bị cáo **Nguyễn Đức Thành N** về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do có kháng cáo của bị cáo, đối với bản án sơ thẩm số 22/2017/HSST ngày 13/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Đức Thành N; sinh ngày 19/11/1982 tại Kon Tum; nơi đăng ký HKTT: phường T, Tp. K, tỉnh Kon Tum; trú tại: Tp. K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Giáo viên tiểu học; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1959; bị cáo là con lớn nhất trong gia đình có 04 anh em; có vợ là Y N sinh năm 1976; bị cáo có 01 người con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan(đều vắng mặt) :

2.1. AN, sinh năm 1974.

2.2. AH, sinh năm 1981.

Cùng trú tại: tỉnh Kon Tum.

2.3. AV, sinh năm 1968. Trú tại: tỉnh Kon Tum.

2.4. AM, sinh năm 1978 (*Đã chết*).

Người đại diện hợp pháp của ông AM: Bà Y P (Vợ của AM), sinh năm 1979. Trú tại: huyện T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2010, có một lần Nguyễn Đức Thành N đi đến Bệnh viện Quân y 211 đóng tại thành phố P, tỉnh Gia Lai để thăm người thân bị ốm đang điều trị tại đây. Trong lúc đang ngồi uống nước trước cổng Bệnh viện, vô tình N gặp một người phụ nữ giới thiệu tên là G (*Không rõ lai lịch, địa chỉ*). Qua chuyện trò với nhau, G nói với Nam là mình có quen biết một số cán bộ của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum nên biết còn dư một ít phôi bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông do thí sinh thi rớt, nếu ai có nhu cầu làm thì liên lạc cho G, đồng thời G nói rõ chi phí từ 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*) đến 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*)/01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, sau đó N chủ động xin số điện thoại của G để liên lạc.

Cũng trong thời gian 2010, thông qua mối quan hệ, Nguyễn Đức Thành N quen biết AN. Có lần AN gặp N nói đã học xong lớp Trung cấp lý luận chính trị nhưng chưa được nhận bằng vì chưa có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông. Nghe vậy, N nhớ có người phụ nữ giới thiệu tên G ở tỉnh Gia Lai nói làm được bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông mà không qua thi cử gì cả và kể cho AN biết, lúc này AN đặt vấn đề nhờ N làm giúp bằng tốt nghiệp, được N đồng ý. Sau đó, N liên lạc qua điện thoại với người phụ nữ tên G và được G cho biết nếu có nhu cầu làm bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông thì cung cấp thông tin cá nhân, ảnh thẻ, bản photo Giấy chứng minh nhân dân, lý lịch trích ngang và chi phí làm bằng là 13.000.000 đồng. Ngay sau đó N nói cho AN biết, AN đồng ý cung cấp thông tin cá nhân cho N, đồng thời đưa cho N ứng tiền trước 6.000.000 đồng và cho N 500.000 đồng để chi phí đi lại. Thông tin cá nhân của AN và số tiền 6.000.000 đồng được N đem đi đưa cho người phụ nữ tên G ở tỉnh Gia Lai.

Khoảng 01 tháng sau, N nhận được điện thoại của G thông báo là đã có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông của AN, đồng thời chuẩn bị số tiền còn lại 7.000.000 đồng để trả đủ cho G và bồi dưỡng cho G thêm 2.000.000 đồng. N điện thoại thông báo cho AN biết đã có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông và chuẩn bị số tiền 9.000.000 đồng, sau khi nhận tiền của AN, N gặp một người phụ

nữ khác không phải tên G đưa bằng cho N và N đưa số tiền 9.000.000 đồng cho người phụ nữ này. Sau khi có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, AN sử dụng phôi công chứng nộp vào Trường chính trị tỉnh để được cấp bằng Trung cấp chính trị, nộp vào Trường Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum để học lớp khuyến nông K46, nộp bổ sung hồ sơ cán bộ tại Phòng Nội vụ huyện Tu Mơ Rông.

Với cách thức làm bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông tương tự như AN, trong năm 2012 Nguyễn Đức Thành N đã làm cho AV 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông giả với chi phí 15.000.000 đồng; đầu năm 2013, N làm cho AM 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông giả với chi phí 13.000.000 đồng; cuối năm 2013, N làm cho AH 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông giả với chi phí 15.000.000 đồng. Sau khi có được bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông, AV sử dụng phôi công chứng nộp bổ sung hồ sơ cán bộ tại Phòng Nội vụ huyện Tu Mơ Rông. Đối với bằng tốt nghiệp AM và AH đã bị thất lạc không thu giữ được, AM thì đã chết vào tháng 12/2015, còn AH thì chưa sử dụng vào việc gì.

Tại bản kết luận giám định số 28/GĐTP ngày 05/10/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum, kết luận:

1. 02 (Hai) tài liệu “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” cần giám định số hiệu 01333905 – đứng tên AN; số hiệu 00929397 – đứng tên AV là không phải mẫu phôi do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum phát hành.

2. Hình dấu tròn có nội dung “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – tỉnh Kon Tum – Sở Giáo dục và đào tạo” đóng trên 02 (Hai) tài liệu “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” nêu trên cần giám định với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu tài liệu cần so sánh do Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Kon Tum cung cấp là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Hình dấu tròn nội dung “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt N – tỉnh Kon Tum – Sở Giáo dục và đào tạo” đóng trên 02 (Hai) tài liệu “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” số hiệu 01333905 – đứng tên AN; số hiệu 00929397 – đứng tên AV được in bằng phương pháp in màu.

3. Chữ ký đứng tên Nguyễn Sỹ T trên 02 (Hai) “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” nêu trên cần giám định với chữ ký của ông Nguyễn Sỹ T trên tài liệu mẫu so sánh do Sở Giáo dục đào tạo tỉnh Kon Tum cung cấp là không phải do cùng một người ký ra.

Chữ ký đứng tên Nguyễn Sỹ T trên 02 (Hai) “BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG” số hiệu 01333905 – đứng tên AN; số hiệu 00929397 – đứng tên AV được in bằng phương pháp in màu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 22/2017/HSST ngày 13/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức Thành N phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức Thành N **18** (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/6/2017, bị cáo Nguyễn Đức Thành N kháng cáo xin được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức Thành N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án; do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2013, Nguyễn Đức Thành N đã nhận tiền của AN, AV, AM và AH để làm giả 04 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông cho những người trên. Sau khi nhận được tiền, N chuyển toàn bộ cho một đối tượng nữ tên G, sau đó G giao lại bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông giả, để N giao cho những người có yêu cầu.

Với hành vi phạm tội như nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Đức Thành N về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của Nguyễn Đức Thành N là nghiêm trọng, xâm phạm đến những quy định về học tập, đào tạo bồi dưỡng và cấp bằng tốt nghiệp; xâm phạm đến những hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu; đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến công tác tổ chức cán bộ ở địa phương, cũng như gây mất niềm tin của nhân dân vào chính quyền các cấp. Bị cáo phạm tội với tình tiết định khung “*phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 02 năm đến 05 năm tù.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả do bị cáo gây ra. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú, khai báo thành khẩn, khắc phục một phần hậu quả; do đó, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự, tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù; mức hình phạt trên là đã xem xét chiều cố đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ thể hiện năm 2005 bị cáo lập công trong việc xóa bỏ hủ tục lạc hậu của người dân tộc thiểu số, cứu sống và nuôi dưỡng 01 cháu bé; đã bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự mà án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Y Phun. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới mà bị cáo được hưởng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; đồng thời xét thấy bị cáo là giáo viên cấp tiểu học, động cơ phạm tội không vì vụ lợi của bản thân, mà vì mục đích giúp đỡ những cán bộ địa phương là người dân tộc thiểu số, gặp nhiều khó khăn trong đời sống, thiếu thốn điều kiện học tập. Mặt khác bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo giáo dục; đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Do kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức Thành N, sửa bản án hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Thành N 18 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức Thành N cho UBND phường T, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường

hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Bị cáo Nguyễn Đức Thành N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- UBND phường T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn